

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 290, Điều 305, Điều 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476, điểm b khoản 1 Điều 318, khoản 1, khoản 3 Điều 342, Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án)

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15/12/2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2017/TLST-KDTM ngày 06/11/2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V(tên viết tắt V).

Địa chỉ trụ sở: số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ V.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Thế Đ – Chuyên viên xử lý nợ V .

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố C, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 22/7/2014, bà Nguyễn Thị T đã vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần V, theo Hợp đồng tín dụng số: 1501310/HĐTD và kế ước nhận nợ ngày 22/7/2014, số tiền vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, ăn uống, giải khát; lãi suất cho vay 12% năm; lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng đến ngày 22/7/2015, bà T mới thanh toán cho V số tiền gốc và lãi 60.262.882đ (sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai đồng). Tính đến ngày 15/12/2017 bà T còn nợ của V số tiền: Nợ gốc 139.113.272đ (một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười ba nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng); nợ lãi trong hạn 1.141đ (một triệu một trăm bốn mươi một đồng) và lãi quá hạn 4.977.557đ (bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm năm bảy đồng). Tổng cộng: 144.091.972đ (một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm chín mươi một nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Nay các bên thống nhất, bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày 15/12 /2017 đến hết ngày 15/03/2018 và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì V có quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 31, diện tích quyền sử dụng đất 112m², tại địa chỉ khu phố C, phường Q, thành phố S (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH000441; do Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn cấp ngày 12/9/2012 mang tên bà Nguyễn Thị T), theo hợp theo Hợp đồng thế chấp số 14395920/HĐTC. (ký ngày 17/7/2014 tại văn phòng Công chứng Tín Việt) theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bên thống nhất bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí KDTM ST có giá ngạch của số tiền 144.091.972đ x 5%= 3.602.291đ (ba triệu sáu trăm linh hai nghìn hai trăm chín mươi một đồng).

Trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí 4.275.000đ (bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003911 ngày 03/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TP Sầm Sơn;
- Các đương sự;
- Cơ quan Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi